TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18/5/2022
"V/v: ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kia.
2. Ông Trần Văn Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số thụ lý số: 169/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/4/2022, giữa:

- ***Nguyên đơn***: Chị Đoàn Thị M, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 4, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- ***Bị đơn***: Anh Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ 4, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đoàn Thị M trình bày*:**

Tôi và anh Nguyễn Ngọc Q có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào năm 2010 tại UBND phường Tây Sơn. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hay tranh cãi, không hiểu tính nhau, anh Q uống rượu về nhiều lần đánh đập tôi vô cớ, tôi đã cố nhẫn nhịn bỏ qua nhưng anh Q vẫn "tánh nào tật nấy". Chúng tôi không còn thương yêu, tôn trọng, lo lắng cho nhau nữa, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Q.

Về nuôi con: Chúng tôi có 02 con chung là Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 27/9/2010 và Nguyễn Ngọc Hsinh ngày 26/3/2012. Tôi yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung là cháu T và cháu Hải. Tôi không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chúng tôi tự thỏa thuận, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: không có.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc Q tại bản tự khai đề ngày 28/10/2021 trình bày:

Tôi không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M, tôi muốn chị M suy nghĩ lại, rút đơn khởi kiện về cùng tôi chung sống, nuôi dạy các con.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 27/9/2010 và Nguyễn Ngọc Hsinh ngày 26/3/2012. Hiện nay các con còn nhỏ và ở với vợ chồng tôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị M yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Q, trú tại: Tổ 4, phường B, thị xã A, Gia Lai, theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS), thì đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai. Bị đơn anh Q được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q theo quy định tại khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh Q tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị M và anh Q có mâu thuẫn, theo chị M chị và anh Q không hiểu nhau, anh Q thường hay uống rượu về có hành vi vô cớ đánh chị, nên giữa chị M và anh Q không còn thương yêu, tôn trọng, lo lắng cho nhau nữa, nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Q.

Tuy anh Q không đồng ý ly hôn, nhưng từ khai Tòa án thông báo thụ lý vụ án, Tòa đã tiến hành mở nhiều phiên hòa giải để anh Q có điều kiện thể hiện ý kiến và nguyện vọng của mình với chị M để hàn gắn bất đồng cùng nhau đoàn tụ, nhưng anh Q vẫn vắng mặt có thái độ bất hợp tác, không có bất kỳ biện pháp nào để cải thiện sự rạn nứt trong đời sống vợ chồng, anh Q đề nghị chị M rút đơn khởi kiện về đoàn tụ, nhưng trong quá trình giải quyết và tại phiên Tòa hôm nay chị M vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị M và anh Q như vậy là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chị M yêu cầu được ly hôn là có cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị M, anh Q có 02 con chung. Hiện nay các cháu còn nhỏ và ở với chị M. Chị M có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cả cháu T và cháu Hđều còn nhỏ, đều đã trên 07 tuổi, nguyện vọng được nuôi hai con chung của chị M là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của cháu T và cháu Hthể hiện ở văn bản trình bày ý kiến có trong hồ sơ vụ án.

Anh Q không đồng ý ly hôn nhưng mâu thuẫn của anh và chị M là trầm trọng, không thể chấp nhận cho với chồng anh Q đoàn tụ để cùng nuôi dạy các con như đề nghị của anh Q được. Mà cần thiết giao cả 02 cháu cho chị M tiếp tục nuôi mới đảm bảo hơn cho 02 cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị M không yêu cầu, anh Q không có ý gì tự nguyện cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị M và anh Q không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, bị đơn anh Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228 và Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị M:

1. Về hôn nhân: Cho chị M ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Q.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 27/9/2010 và Nguyễn Ngọc Hải, sinh ngày 26/3/2012, cho chị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, khi cháu T, cháu Hchưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm nôm con cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Đoàn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011523 ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (18/5/2022) các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với người vắng mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND TX A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND phường Tây Sơn, TX A;
  (để ghi vào sổ hộ tịch; Số ĐKKH 91/2010);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Long Sơn